

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 21/02/2023.

*“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Hạnh và bà Dương Thị Kim Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Quốc Phong - Thư ký TAND tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Bà Bùi Thị Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở TAND tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 363/2022/TLST-HNGĐ ngày 21/11/2022, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/01/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2023/QĐST-HNGĐ ngày 06/02/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Trần Văn H**, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Chị **Vũ Thị N**, sinh năm 1987.

Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Thôn B, xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú hiện nay: Nhật Bản.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Vũ Thị B1**.

Địa chỉ: Xóm 1, thôn K1, xã X, huyện K, tỉnh Hải Dương.

Anh H, chị N và bà B1 đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai anh Trần Văn H trình bày:

- *Về quan hệ vợ chồng:* Anh và chị Vũ Thị N tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K vào tháng 4/2006. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu

thuần. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát, cãi nhau. Cuối năm 2016, chị N sang Nhật Bản xuất khẩu lao động, vợ chồng ít quan tâm đến nhau nên tình cảm ngày càng rạn nứt. Anh chị ít liên lạc dần, vợ chồng sống ly thân kể từ thời điểm đó. Năm 2019, chị N về nước một thời gian ngắn rồi quay lại Nhật Bản làm ăn, kể từ đó đến nay chưa về nước. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị N.

- *Về con chung*: Anh và chị N có 02 con chung là Trần Thị Vân A, sinh ngày 12/3/2007 và Trần Quang V, sinh ngày 28/4/2009, hiện cháu V đang ở cùng với anh, cháu Vân A đang ở cùng bà ngoại. Khi ly hôn, anh có nguyện vọng được nuôi dưỡng con Trần Quang V, chị N nuôi dưỡng con Trần Thị Vân A. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

- *Về tài sản chung, vay nợ*: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án, do anh H không cung cấp được địa chỉ của chị N tại Nhật Bản nên Tòa án đã xác minh qua gia đình chị N, đồng thời yêu cầu gia đình cung cấp địa chỉ của chị N. Bà Vũ Thị B1 là mẹ đẻ chị N trình bày: Anh H và chị N tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương vào năm 2006. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do mâu thuẫn giữa gia đình nhà anh H và chị N. Năm 2016, chị N đi làm kinh tế tại Nhật Bản, từ đó vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn hơn, nguyên nhân là do không thống nhất được với nhau về vấn đề kinh tế dẫn đến thường xuyên vợ chồng to tiếng qua điện thoại. Năm 2019, chị N có về nước một thời gian sau đó quay lại Nhật Bản, hiện nay vẫn chưa về nước. Sau khi nhận thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản của Tòa án, bà đã thông báo qua điện thoại cho chị N biết về việc anh H làm đơn xin ly hôn và yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng con chung. Chị N không cung cấp cho gia đình biết địa chỉ cụ thể, hiện nay chị N chưa thể về Việt Nam để giải quyết việc ly hôn được và không trình bày ý kiến bằng văn bản gửi về cho Tòa án. Tuy nhiên, qua điện thoại chị N có quan điểm xác định không nhất trí ly hôn, nếu anh H cương quyết xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Về con chung chị N xác định có 02 con như anh H trình bày nếu ly hôn, chị N có nguyện vọng nuôi con chung Trần Thị Vân A và đồng ý để anh H tiếp tục chăm sóc con V, hai bên không phải cho cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng con chung cho nhau. Do chị N làm việc ở nước ngoài nên nhờ gia đình bà trông nom, nuôi dưỡng cháu Vân A đến khi chị N về nước, bà nhất trí; Về tài sản chung: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn anh H có đơn xin xét xử vắng mặt và có quan điểm giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; Chị N, bà B1 vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Đại diện VKSND tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn chấp hành đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình: Xử cho anh Trần Văn H được ly hôn chị Vũ Thị N; Giao anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung Trần Quang V, sinh ngày 28/4/2009, chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Trần Thị Vân A, sinh ngày 12/3/2007 cho đến khi con trưởng thành. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Bà Vũ Thị B1 có trách nhiệm trông nom chăm sóc cháu Trần Thị Vân A cho đến khi chị N về nước; Về tài sản chung, vay nợ: Các đương sự không yêu cầu nên không phải giải quyết; Về án phí: Anh H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Anh Trần Văn H có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương giải quyết việc ly hôn giữa anh với chị Vũ Thị N. Chị N hiện đang sinh sống và lao động tại Nhật Bản. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh H không cung cấp được địa chỉ của chị N tại Nhật Bản. Theo hướng dẫn tại Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã yêu cầu anh H và gia đình chị N cung cấp địa chỉ, nhưng anh H và gia đình chị N đều không cung cấp được. Do vậy, áp dụng Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục cổ tình giấu địa chỉ.

Tại phiên tòa anh H có đơn xin xét xử vắng mặt, chị N, bà B1 vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh H, chị N, bà B1.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn H và chị Vũ Thị N được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương vào tháng 4/2016 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, hai bên không quan tâm đến nhau. Nay anh H xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị N. Thông qua gia đình, chị N xác định vợ chồng có mâu thuẫn, không còn quan tâm liên lạc với nhau nhưng chị không nhất trí ly hôn mà đợi khi nào chị về nước mới giải quyết. Xét thấy thực tế anh chị không chung sống cùng nhau từ nhiều năm và không còn quan tâm đến nhau, chị N không đồng ý ly hôn nhưng không có biện pháp khắc phục tình trạng thuận vợ chồng, anh H kiên quyết đề nghị Tòa án cho anh ly hôn với chị N vì anh không còn tình cảm với chị N. Như vậy, mâu thuẫn của anh H và chị N đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được việc anh H xin ly hôn chị N là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân & Gia đình nên được chấp nhận.

[2.2]. Về con chung: Anh H và chị N có 02 con chung là Trần Thị Vân A, sinh ngày 12/3/2007 và Trần Quang V, sinh ngày 28/4/2009. Hiện cháu V đang do anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, cháu Vân A đang do bà B1 mẹ chị N chăm sóc, nuôi dưỡng. Nếu ly hôn, cả hai đều có nguyện vọng mỗi người nuôi một con, anh H đề nghị nuôi con Trần Quang V, chị N đề nghị nuôi con Trần Thị Vân A, hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Ngoài ra, cháu V có quan điểm xin được ở với bố, cháu Vân A có nguyện vọng được ở với mẹ. Xét hai bên đã thống nhất được với nhau về việc nuôi con chung nên cần chấp nhận giao con chung Trần Quang V cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng và giao con chung Trần Thị Vân A cho chị N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi, trưởng thành. Chị N hiện chưa về nước có đề nghị bà B1 chăm sóc con cho đến khi chị về nước, bà B1 nhất trí. Do vậy, giao cháu Vân A cho bà Vũ Thị B1 (mẹ đẻ chị N) chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi chị N về Việt Nam trực tiếp nuôi dưỡng.

[2.3]. Về tài sản chung, vay nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Anh H là nguyên đơn nên phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân & Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39,

khoản 4 Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Trần Văn H được ly hôn chị Vũ Thị N.

2. Về con chung: Giao cho anh H tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung Trần Quang V, sinh ngày 28/4/2009 và giao cho chị N tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung Trần Thị Vân A, sinh ngày 12/3/2007 cho đến khi các con đủ 18 tuổi, trưởng thành. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Bà Vũ Thị B1 có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Thị Vân A cho đến khi chị N về Việt Nam trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự các bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

Anh H, chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Trần Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2021/0003162 ngày 18/11/2022. Anh H đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Anh H và bà B1 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết. Chị N vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đức Hạnh

Dương Thị Kim Hồng

Phạm Thị Mai Hoa

